

Số: /KH-SGDĐT

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị năm 2022

Thực hiện Công văn số 90/UBND-NC ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Công văn số 755/VP-HCC ngày 01/12/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị về việc xây dựng danh mục thủ tục hành chính (TTHC) triển khai dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ cao năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Hướng đến mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính, đồng thời nâng cao tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến đáp ứng các tiêu chí, chỉ số dịch vụ công trực tuyến trong “Cải cách hành chính”.

II. NHIỆM VỤ

1. Thực hiện công khai, minh bạch 100% thủ tục hành chính đã được công bố cả về quy trình, thành phần các loại hồ sơ, thời gian giải quyết, phí, lệ phí theo quy định trên Cổng thông tin điện tử của Sở, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và các cơ sở giáo dục, đồng thời niêm yết 100% TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo, tạo điều kiện cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp được tham gia góp ý vào công tác rà soát TTHC, dịch vụ công trực tuyến liên quan đến trách nhiệm quản lý của Sở.

2. Số hóa 100% kết quả giải quyết TTHC, triển khai, ứng dụng chữ ký số, xác thực điện tử trong xử lý hồ sơ, phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.

3. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức/cá nhân thực hiện làm hồ sơ giải quyết TTHC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh.

4. Phối hợp với các cơ quan trong việc triển khai hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về lĩnh vực liên quan với Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh phục vụ việc giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa; thực hiện hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thống nhất, liên thông giữa các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương theo chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

5. Thông tin, tuyên truyền đến các đơn vị, cá nhân biết về Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính; lồng ghép nội dung tuyên truyền về Cổng DVC của tỉnh, các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành tại các hội nghị, tập huấn...

6. Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch số 1225/KH-SGDĐT ngày 15/6/2021 về thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị.

7. Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị, phấn đấu tỷ lệ số hồ sơ TTHC của Sở Giáo dục và Đào tạo được xử lý trực tuyến ở mức độ 4 đạt 80% trở lên.

III. CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xác định công tác triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao là khâu đột phá quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị.

2. Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng về việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao để tạo ra sự đồng thuận chung trong toàn xã hội nhằm góp phần thực hiện các chỉ tiêu cải cách hành chính của ngành.

3. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ cao tại các phòng thuộc Sở, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Đối với các nội dung là nhiệm vụ thường xuyên, các cơ quan, đơn vị chủ động cân đối chi từ nguồn kinh phí khoán chi, tự chủ trong dự toán ngân sách đã được giao.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở; Trường Phổ thông liên cấp Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị phổ biến, quán triệt Kế hoạch này đến tận cán bộ, công chức, viên chức và

người lao động thuộc thẩm quyền quản lý; thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận chức năng triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Giao Văn phòng Sở chủ trì, tham mưu Giám đốc Sở thực hiện công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch này của Sở, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Sở TTTT;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Trung tâm PVHCC tỉnh Quảng Trị;
- Các phòng GD&ĐT;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỨC ĐỘ CAO

STT	Lĩnh vực	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ 3	Mức độ 4
1.	Giáo dục mầm non	1.000288.000.00.00.H50	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia		Từ năm 2020
2.	Giáo dục mầm non	1.000715.000.00.00.H50	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục		Từ năm 2020
3.	Giáo dục tiểu học	1.000713.000.00.00.H50	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		Từ năm 2020
4.	Giáo dục Trung học	1.000711.000.00.00.H50	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		Từ năm 2020
5.	Giáo dục Trung học	1.000280.000.00.00.H50	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia		Từ năm 2020
6.	Giáo dục Trung học	1.000691.000.00.00.H50	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia		Từ năm 2020
7.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.001088.000.00.00.H50	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học		Từ năm 2020
8.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.000270.000.00.00.H50	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông		Từ năm 2020
9.	Quy chế thi, tuyển sinh	1.005098.000.00.00.H50	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông		Từ năm 2020
10.	Quy chế thi, tuyển sinh	1.005142.000.00.00.H50	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia		Từ năm 2020
11.	Quy chế thi, tuyển sinh	1.005095.000.00.00.H50	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia		Từ năm 2020
12.	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	1.005092.000.00.00.H50	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc		Từ năm 2020
13.	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	2.001914.000.00.00.H50	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ		Từ năm 2020
14.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005074.000.00.00.H50	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục		Từ năm 2021
15.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005067.000.00.00.H50	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại		Từ năm 2021

STT	Lĩnh vực	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ 3	Mức độ 4
16.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005070.000.00.00.H50	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông		Từ năm 2021
17.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005068.000.00.00.H50	Giải thể trường trung học phổ thông		Từ năm 2021
18.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005015.000.00.00.H50	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục		Từ năm 2021
19.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005008.000.00.00.H50	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục		Từ năm 2021
20.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.004988.000.00.00.H50	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục trở lại		Từ năm 2021
21.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.004999.000.00.00.H50	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên		Từ năm 2021
22.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.004991.000.00.00.H50	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên		Từ năm 2021
23.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005084.000.00.00.H50	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú		Từ năm 2021
24.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.006388.000.00.00.H50	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục		Từ năm 2021
25.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005079.000.00.00.H50	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú		Từ năm 2021
26.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005076.000.00.00.H50	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)		Từ năm 2021
27.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005053.000.00.00.H50	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học		Từ năm 2021

STT	Lĩnh vực	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ 3	Mức độ 4
28.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005049.000.00.00.H50	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục		Từ năm 2021
29.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005025.000.00.00.H50	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại		Từ năm 2021
30.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005043.000.00.00.H50	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học		Từ năm 2021
31.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005036.000.00.00.H50	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)		Từ năm 2021
32.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005195.000.00.00.H50	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục		Từ năm 2021
33.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005359.000.00.00.H50	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại		Từ năm 2021
34.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005069.000.00.00.H50	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục		Từ năm 2021
35.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005073.000.00.00.H50	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm		Từ năm 2021
36.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	2.001988.000.00.00.H50	Giải thể trường trung cấp sư phạm		Từ năm 2021
37.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005082.000.00.00.H50	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp		Từ năm 2021

STT	Lĩnh vực	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ 3	Mức độ 4
38.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005354.000.00.00.H50	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp		Từ năm 2021
39.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	2.001989.000.00.00.H50	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp		Từ năm 2021
40.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005088.000.00.00.H50	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục		Từ năm 2021
41.	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác	1.005087.000.00.00.H50	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm		Từ năm 2021
42.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005081.000.00.00.H50	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục		Từ năm 2021
43.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005017.000.00.00.H50	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông		Từ năm 2021
44.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.001492.000.00.00.H50	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2021
45.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.000939.000.00.00.H50	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2021
46.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.001493.000.00.00.H50	Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2021
47.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.000716.000.00.00.H50	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2021
48.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005061.000.00.00.H50	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		Từ năm 2021

STT	Lĩnh vực	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ 3	Mức độ 4
49.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2.001985.000.00.00.H50	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		Từ năm 2021
50.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2.001987.000.00.00.H50	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại		Từ năm 2021
51.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.000181.000.00.00.H50	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa		Từ năm 2021
52.	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.001000.000.00.00.H50	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa		Từ năm 2021
53.	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	1.004889.000.00.00.H50	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp		Từ năm 2021
54.	Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài	1.001499.000.00.00.H50	Phê duyệt liên kết giáo dục		Từ năm 2021
55.	Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài	1.001497.000.00.00.H50	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục		Từ năm 2021
56.	Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài	1.001496.000.00.00.H50	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết		Từ năm 2021
57.	Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài	1.006446.000.00.00.H50	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2021
58.	Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài	1.001495.000.00.00.H50	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2021
59.	Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài	1.000718.000.00.00.H50	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2021

STT	Lĩnh vực	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ 3	Mức độ 4
60.	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.000729.000.00.00.H50	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên		Từ năm 2022
61.	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	1.006446.000.000.H50	Cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Từ năm 2022
62.	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.008722.000.00.00.H50	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		Từ năm 2022
63.	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.000259.000.00.00.H50	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên		Từ năm 2022
64.	Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh	1.009394.000.00.00.H50	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển		Từ năm 2022
65.	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.005143.000.00.00.H50	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài		Từ năm 2022

(Danh sách có 65 thủ tục./.)